

MARKET LENS

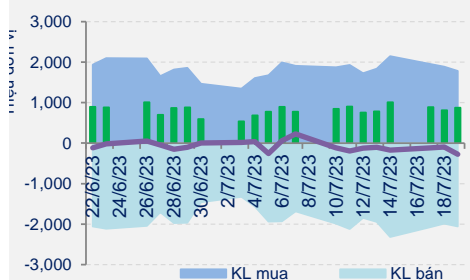
Phiên giao dịch ngày: 19/7/2023

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

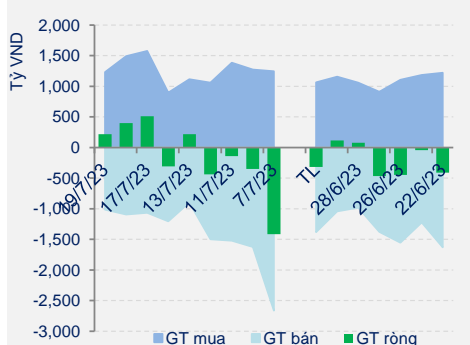
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,172.98	231.47
% Thay đổi	↓ -0.09%	↑ 0.22%
KLGD (CP)	875,344,886	94,617,521
GTGD (tỷ đồng)	17,667.02	1,674.37
Tổng cung (CP)	2,060,187,229	165,184,800
Tổng cầu (CP)	1,785,160,522	149,804,400

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	31,254,200	513,681
KL mua (CP)	37,365,500	3,856,530
GT mua (tỷ đồng)	1,230.75	81.45
GT bán (tỷ đồng)	1,014.39	9.68
GT ròng (tỷ đồng)	216.36	71.76

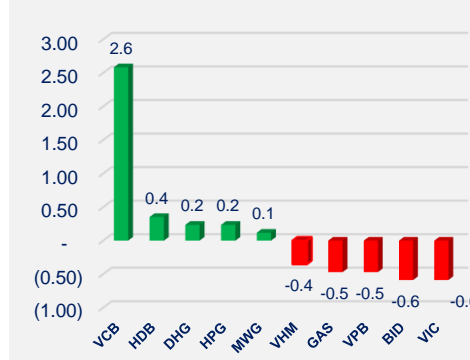
Tương quan cung cầu HOSE



Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE



Các cổ phiếu có ảnh hưởng nhất đến VN-INDEX



Sau 08 phiên liên tiếp tăng điểm và ở trạng thái quá mua ngắn hạn, VN-INDEX đã chịu áp lực điều chỉnh sau khi áp lực bán đã gia tăng ở nhiều mã từ các phiên trước. Trong phiên VN-INDEX vẫn tăng lên vùng kháng cự quanh 1.180 điểm và kết phiên ATC ở sắc đỏ khi giảm nhẹ 1,11 điểm (-0,09%) về mức 1172,98 điểm. HNX-INDEX duy trì tăng 0,51 điểm (+0,22%) lên mức 231,47 điểm. Độ rộng thị trường trên hai sàn niêm yết nghiêng về tiêu cực, áp lực bán ngắn hạn gia tăng ở nhiều mã khi có tổng cộng 385 mã giảm giá (08 mã giảm sàn), 272 mã tăng giá (20 mã tăng trần) và 120 mã giữ giá tham chiếu.

Thanh khoản trên hai sàn niêm yết đạt 19.334 tỷ đồng, tăng 5,24% so với phiên trước, thể hiện áp lực bán đang gia tăng mạnh hơn. Nhà đầu tư nước ngoài gia tăng giao dịch và duy trì mua ròng với giá trị 216,36 tỉ đồng, tiếp tục mua ròng khá tốt trên HNX với giá trị 71,76 tỷ đồng.

Hôm nay 19/7/2023, Sở GDCK Hà Nội (HNX) đã chính thức khai trương hệ thống giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ. Việc đưa hệ thống giao dịch TPDN riêng lẻ vào vận hành sẽ góp phần tăng tính minh bạch, hạn chế rủi ro cho nhà đầu tư trong giao dịch TPDN riêng lẻ, góp phần thúc đẩy tính thanh khoản cho thị trường TPDN, đồng thời tạo điều kiện cho thị trường sơ cấp TPDN riêng lẻ phát triển bền vững hơn.

Thị trường đang trong giai đoạn đón nhận kết quả kinh doanh quý II/2023. Vì vậy khá nhiều mã có thông tin quý II tăng trưởng tốt vẫn có diễn biến rất tích cực như nhóm mã vận tải dầu khí với PVP (+6,94%) khi lợi nhuận tăng mạnh, VTO (+6,98%), PDV (+5,26%), VIP (+4,37%)...

Nhóm mã dược phẩm cũng có diễn biến rất tích cực khi nhiều mã đón nhận thông tin lợi nhuận quý II/2023 tăng trưởng mạnh như DHG (+6,93%), IMP (+6,89%), DVM (+2,03%), DVN (+1,51%)... các mã ở những nhóm ngành khác như đá DHA (+6,94%), nhiệt điện PPC (+6,82%), khu công nghiệp như SZC (+6,97%)... cũng tăng giá mạnh khi thông tin lợi nhuận tích cực.

Nhóm cổ phiếu dịch vụ tài chính, chứng khoán phân hóa hơn, phản ánh thị trường chung, đa số chịu áp lực điều chỉnh với thanh khoản ở mức trung bình như VDS (-3,27%), HCM (-1,78%), VND (-1,63%), MBS (-1,49%)... trong khi các mã có thông tin lợi nhuận quý II tăng trưởng tốt vẫn có diễn biến tích cực, giao dịch sôi động với thanh khoản cải thiện mạnh như VIX (+1,55%), BVS (+1,16%)...

Trong khi đó nhóm ngân hàng phân hóa mạnh, đa số chịu áp lực điều chỉnh nhẹ, thanh khoản trên mức trung bình như EIB (-1,45%), VPB (-1,43%), TPB (-1,32%), MBB (-1,08%)... ngoài các mã tăng giá với NAB (+3,23%), HDB (+2,53%), VCB (+2,11%)...

Các cổ phiếu bất động sản sau những phiên hồi phục tốt đa số chịu áp lực bán với QCG (-5,41%), LGL (-4,91%), DXG (-3,98%), TDC (-3,60%), ITC (-3,37%)... ngoài CEO (+9,80%) tăng mạnh trong phiên chốt quyền phát hành cổ phiếu, L14 (+5,41%), NBB (+3,15%)...

Trên thị trường phái sinh, kỳ hạn VN30F2307 giảm 0,9 điểm (--0,08%), chênh lệch -1,09 điểm so với VN30. Khối lượng giao dịch giảm, khối lượng mở OI xu hướng giảm khi sẽ đáo hạn trong phiên đến. Thị trường bắt đầu gia tăng giao dịch sang sang kỳ hạn VN30F2308. Các kỳ hạn lớn hơn VN30F2308, VN30F2309, VN30F2312 thu hẹp mạnh mức chênh lệch còn -3,39 điểm đến -13,69 điểm so với VN30. Cho thấy các trader không quá bi quan với VN30 và có thể kỳ vọng mức điều chỉnh chỉ ở vùng 1150 khi các kỳ hạn lớn tăng điểm trong khi VN30 giảm điểm.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Thị trường giảm điểm nhẹ trong phiên hôm nay và phát ra tín hiệu điều chỉnh rõ ràng hơn. Như chúng tôi phân tích, ngưỡng 1.150 điểm của Vn-Index là ngưỡng cản khá quan trọng nhằm xác định xu hướng thị trường trong dài hạn. Sau khi tích lũy chặt chẽ, tin cậy và vượt qua ngưỡng với nội lực khá tốt, thị trường cần có nhịp điều chỉnh để củng cố thêm nội lực cho nhịp tăng tiếp theo. Ngưỡng hỗ trợ của chỉ số là 1.150 điểm - 1.155 điểm, kháng cự trong vùng 1.180 điểm – 1.200 điểm.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Phiên hôm nay Vn-Index đã bắt đầu điều chỉnh nhẹ khi chốt phiên giảm 1.11 điểm (-0,09%) và đóng cửa ở 1.172,98, Như chúng tôi đã nhận định thì nhu cầu điều chỉnh ở giai đoạn hiện tại là cần thiết và với nội lực tốt của thị trường trong thời gian qua thì những nhịp điều chỉnh là vận động tích cực để tích lũy thêm động lực cho xu hướng tăng tiếp theo.

Trong ngắn hạn, mặc dù VnIndex đang vận động trên ngưỡng 1.150 điểm nhưng đây là ngưỡng cản mạnh nên xu hướng trì kéo sẽ lớn và VN-Index sẽ tiếp tục đối diện với nhiều rung lắc, điều chỉnh. Xu hướng trung hạn của VN-Index vẫn đang được duy trì tích cực khi chỉ số đã hồi phục vượt qua ngưỡng 1.150 điểm sau gần 6 tháng tích lũy trước đó, điều này tạo cơ sở cho khả năng hình thành xu hướng tăng điểm dài hạn nếu các điều kiện vĩ mô, dòng tiền ủng hộ.

Đà tăng của thị trường đang chững lại và trong ngắn hạn thị trường có thể có rủi ro điều chỉnh mạnh hơn, nhà đầu tư ngắn hạn nên duy trì tỷ trọng ở mức thận trọng và quan sát diễn biến thị trường tại các vùng hỗ trợ trước khi quyết định giải ngân. Với nhà đầu tư trung, dài hạn chúng tôi vẫn thường xuyên khuyến nghị giải ngân trong thời gian vừa qua (đón đầu giai đoạn bùng nổ sau tích lũy) nên nếu cơ cấu tốt thì hiện tại hoàn toàn có thể tiếp tục nắm giữ. Trong trường hợp muốn gia tăng tỷ trọng nhà đầu tư có thể tận dụng mua vào ở các nhịp điều chỉnh, mục tiêu giải ngân đầu tư trung, dài hạn nên hướng tới các nhóm cổ phiếu đầu ngành, các cổ phiếu đang tích lũy và không bị điều chỉnh sâu, có kỳ vọng kết quả kinh doanh tiếp tục tăng trưởng trong năm nay.

Quý nhà đầu tư có thể tham khảo các mã cổ phiếu trong danh mục khuyến nghị đính kèm để có lựa chọn phù hợp!



MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

19/7/2023

DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DÕI

Mã	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến (1.000 đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trường Doanh thu TTM	T.trường Lợi nhuận TTM	
POW	13.30	13.1-13.6	16.5-17	12	18.3	5.1%	-26.0%	Theo dõi chờ giải ngân
EVE	18.60	18.5-19.5	24-25	17	8.8	-22.6%	-55.2%	Theo dõi chờ giải ngân
VOS	13.15	12.6-13.3	15.2-16	12	3.6	29.1%	31.1%	Theo dõi chờ giải ngân

DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

Ngày mở vị thế	Mã	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tư (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
9/3/23	CSV	36.8	26.4	40-42	37	39.2%	Bán
30/3/23	BVS	26.1	18	24-26	25	45.0%	Nắm giữ
31/3/23	PTB	52.8	40	52-54	52	32.0%	Nắm giữ
28/4/23	PVS	33.9	25.1	33-34	33	35.1%	Nắm giữ
11/5/23	PVP	15.4	12.75	18-18.5	14.5	20.8%	Nắm giữ
19/5/23	DPR	61.4	54.8	65-67	60	12.0%	Nắm giữ
7/6/23	KBC	30.7	28.05	34-35	29.5	9.4%	Nắm giữ
21/6/23	GMD	57.2	51	62-64	55	12.2%	Nắm giữ
12/7/23	DCM	28.8	27.75	31-32	27.5	3.6%	Nắm giữ



TIN VĨ MÔ

ADB hạ dự báo tăng trưởng Việt Nam

Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB) điều chỉnh dự báo tăng trưởng Việt Nam năm nay xuống 5,8% từ mức 6,5% đưa ra trước đó. ADB cho biết lý do là sản xuất công nghiệp và chế biến chế tạo tại Việt Nam tiếp tục chịu sức ép từ nhu cầu bên ngoài yếu. Tuy nhiên, các điều kiện trong nước dự kiến được cải thiện. Tốc độ tăng trưởng trong năm 2024 cũng bị điều chỉnh giảm từ 6,8% xuống 6,2%. Lạm phát được dự báo chậm lại ở mức 4% trong năm 2023 và 2024.

Phê duyệt Quy hoạch hạ tầng dự trữ cung ứng xăng dầu, khí đốt Quốc gia

Ngày 18/7/2023, Phó Thủ tướng Trần Hồng Hà đã ký Quyết định số 861/QĐ-TTg phê duyệt Quy hoạch hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt Quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Mục tiêu tổng quát của quy hoạch là phát triển hệ thống hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt Quốc gia bao gồm dự trữ chiến lược (dự trữ Quốc gia); dự trữ sản xuất, dự trữ thương mại, vận tải, lưu thông phân phối, đáp ứng các chỉ tiêu kinh tế, kỹ thuật, môi trường, đảm bảo dự trữ, cung ứng đầy đủ, an toàn, liên tục cho phát triển kinh tế xã hội, an ninh, quốc phòng.

Đề xuất EVN được tự tăng giảm giá điện dưới 5% mỗi quý

Bộ Công Thương vừa đưa ra phương án mới về việc sửa đổi cơ chế điều chỉnh giá bán lẻ điện bình quân. Trên cơ sở kế hoạch cung cấp điện và vận hành hệ thống điện, kết quả kiểm tra chi phí sản xuất kinh doanh điện, Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) sẽ tính toán giá bán lẻ điện bình quân.

Giá vàng nhảy vọt lên đỉnh 1 tháng vì giới đầu tư tin Fed chỉ tăng lãi suất thêm 1 lần

Giá vàng thế giới tăng mạnh khi thị trường đặt cược rằng Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) chỉ tăng lãi suất thêm 1 lần vào cuối tháng này là kết thúc chu kỳ thắt chặt chính sách tiền tệ. Trong nước, giá vàng miếng sáng nay (19/7) tăng dè dặt, khiến chênh lệch với giá quốc tế giảm mạnh.

TIN DOANH NGHIỆP

LPBank (LPB) trả cổ tức 19% bằng cổ phiếu và phát hành thêm 500 triệu cổ phiếu giá 10.000 đồng/CP.

Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt (LPBank, mã LPB – sàn HOSE) cho biết, ngày 23/8 tới đây sẽ chốt danh sách cổ đông trả cổ tức năm 2022 bằng cổ phiếu và thực hiện quyền mua cổ phiếu. Theo đó, LPBank dự kiến phát hành hơn 328,53 triệu cổ phiếu trả cổ tức với tỷ lệ 100:19, tương ứng cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu sẽ được nhận thêm 19 cổ phiếu mới. Số cổ phiếu lẻ thập phân (nếu có) sẽ bị hủy bỏ.

Quý II/2023, lợi nhuận trước thuế TPBank (TPB) đạt gần 3.400 tỷ đồng

TPBank tiếp tục ghi nhận lợi nhuận trước thuế khả quan, đạt gần 3.400 tỷ đồng. Nguồn thu chủ yếu vẫn đến từ nguồn thu nhập lãi thuần, nhưng tỷ trọng thu nhập ngoài lãi có sự cải thiện tích cực khi tăng lên mức 28% trên tổng thu nhập. Trong đó, thu nhập thuần từ dịch vụ tiếp tục ghi nhận sự tăng trưởng mạnh mẽ khi đạt 1.500 tỷ đồng tính đến ngày 30/6, tương đương tăng 26% so với cùng kỳ năm trước.

Chứng khoán VIX lãi 715 tỷ đồng trước thuế, hoàn thành sớm kế hoạch năm

Doanh thu hoạt động ghi nhận gần 960 tỷ đồng, tăng 25% so với cùng kỳ năm ngoái. Đóng góp chính là doanh thu đến từ hoạt động tự doanh ghi nhận hơn 674 tỷ đồng, tăng 36% so với cùng kỳ năm trước. Doanh thu đến từ các nghiệp vụ như Môi giới, các khoản phải thu và cho vay, bảo lãnh phát hành... ghi nhận 285 tỷ đồng. Khấu trừ chi phí, Công ty thu về hơn 715 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế, tăng 76,4% so với cùng kỳ năm trước; lợi nhuận sau thuế tương ứng thu về 576 tỷ đồng, tăng 76,4% so với cùng kỳ.

SZC: Doanh thu cho thuê đất tăng, lãi quý II tăng 57%

Công ty Cổ phần Sonadezi Châu Đức (HoSE: SZC) vừa công bố Báo cáo tài chính quý II/2023 với doanh thu đạt 288,1 tỷ đồng, tăng 9,8% so với cùng kỳ và lợi nhuận lợi nhuận gộp tăng 49,1%, từ 92,3 tỷ lên hơn 137,6 tỷ đồng. Kết quả, biên lợi nhuận gộp trong quý tăng từ 35% lên 48%. SZC ghi nhận lợi nhuận trước và sau thuế lần lượt đạt 119,4 tỷ và 96,5 tỷ đồng; tăng 61,4% và 57% so với cùng kỳ năm trước.

Khai thác tốt thị trường nước ngoài, FPT lãi kỷ lục trong quý 2

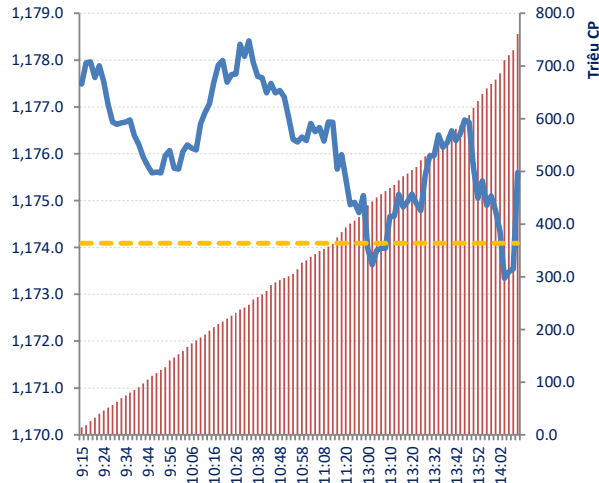
Kết thúc quý 2/2023, FPT ghi nhận doanh thu thuần gần 12.5 ngàn tỷ đồng và lãi gộp hơn 4.6 ngàn tỷ đồng, tăng lần lượt 24% và 21% so với cùng kỳ. Nhờ đó, biên lợi nhuận gộp tăng từ 37% cùng kỳ lên 38%. Kết quả, FPT ghi nhận lãi ròng hơn 1.5 ngàn tỷ đồng, tăng 21% so với cùng kỳ - mức lãi ròng hàng quý cao nhất từ trước đến nay của Tập đoàn.

Quý II/2023, lợi nhuận PV Trans Pacific (PVP) tăng 235,8%, lên 54,81 tỷ đồng

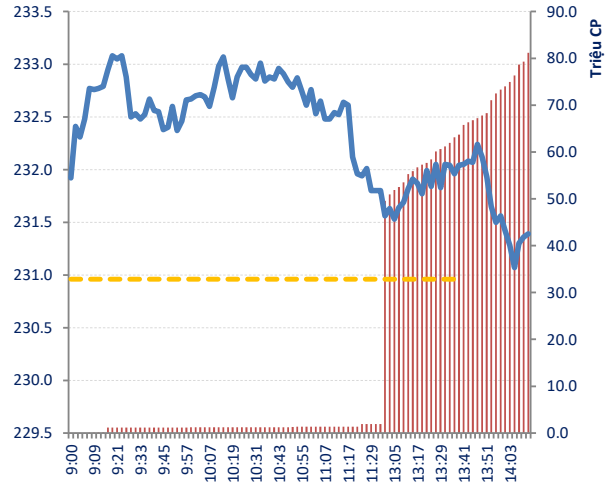
CTCP Vận tải Dầu khí Thái Bình Dương (PV Trans Pacific, mã PVP – sàn HoSE) ghi nhận kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong quý II. Lũy kế trong nửa đầu năm 2023, PV Trans Pacific ghi nhận doanh thu đạt 665,19 tỷ đồng, tăng 3,9% so với cùng kỳ và lợi nhuận sau thuế ghi nhận 102,24 tỷ đồng, tăng 229,6% so với cùng kỳ năm trước.

THỐNG KÊ GIAO DỊCH

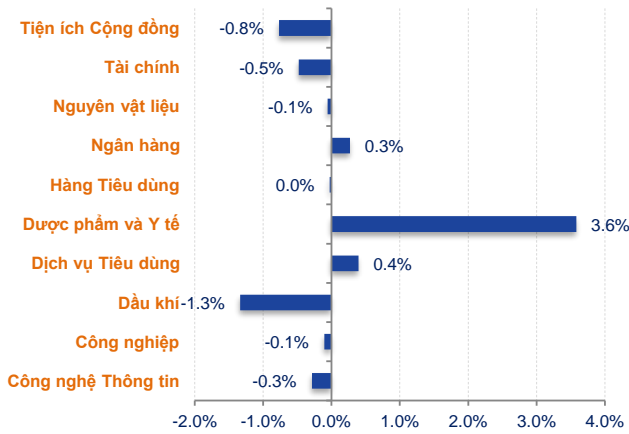
KLGD và VN-Index trong phiên



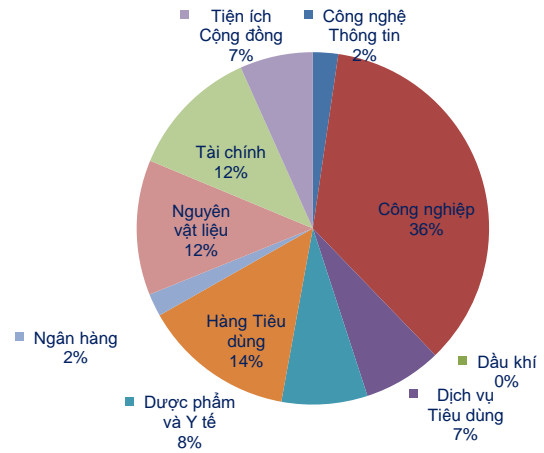
KLGD và HNX-Index trong phiên



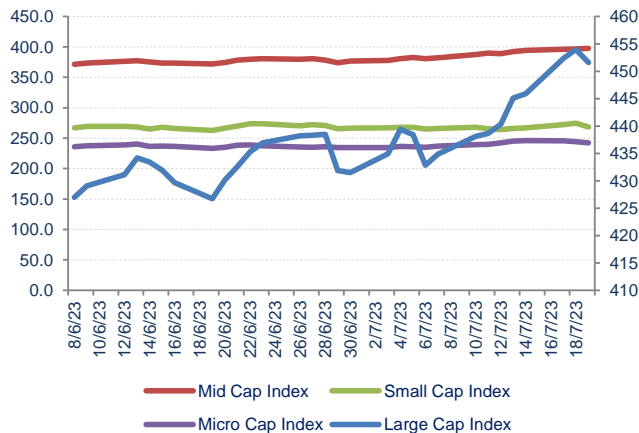
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



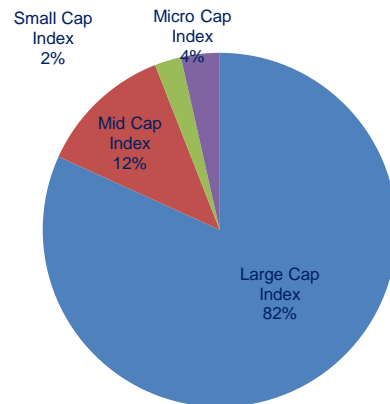
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng	TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	HPG	2,509,000	TPB	2,101,100	1	SHS	2,057,800	IVS	133,601
2	VHM	1,362,200	POW	1,258,800	2	TNG	1,038,600	IDJ	129,900
3	VNM	1,241,100	VCB	1,081,000	3	PVI	232,860	NVB	50,000
4	SSI	1,116,900	VPB	1,068,900	4	IDC	126,100	NSH	10,000
5	STB	832,200	DBC	966,700	5	PVS	120,700	APS	9,600

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
DIG	23.35	22.95	↓ -1.71%	39,472,800	SHS	14.50	14.50	→ 0.00%	16,783,226
NVL	15.05	14.70	↓ -2.33%	34,688,200	IDC	44.00	44.80	↑ 1.82%	8,203,051
VIX	12.90	13.10	↑ 1.55%	34,498,800	PVS	34.50	33.90	↓ -1.74%	5,317,110
SHB	14.15	14.10	↓ -0.35%	31,385,100	MBS	20.20	19.90	↓ -1.49%	3,745,049
DXG	16.35	15.70	↓ -3.98%	30,400,300	TNG	20.50	20.70	↑ 0.98%	3,115,043

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
LEC	6.88	7.36	0.48	↑ 6.98%	THS	11.00	12.10	1.10	↑ 10.00%
VTO	9.17	9.81	0.64	↑ 6.98%	PHN	38.20	42.00	3.80	↑ 9.95%
SZC	33.00	35.30	2.30	↑ 6.97%	VE4	123.70	136.00	12.30	↑ 9.94%
BMP	95.00	101.60	6.60	↑ 6.95%	PVI	51.80	56.90	5.10	↑ 9.85%
PVP	14.40	15.40	1.00	↑ 6.94%	CEO	15.30	16.80	1.50	↑ 9.80%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
TNC	62.20	58.00	-4.20	↓ -6.75%	HTP	32.00	28.80	-3.20	↓ -10.00%
MDG	13.70	12.85	-0.85	↓ -6.20%	SDN	54.40	49.00	-5.40	↓ -9.93%
DXS	10.25	9.63	-0.62	↓ -6.05%	KMT	11.10	10.00	-1.10	↓ -9.91%
PMG	9.60	9.03	-0.57	↓ -5.94%	SDG	20.50	18.50	-2.00	↓ -9.76%
DAH	4.99	4.70	-0.29	↓ -5.81%	KST	15.90	14.40	-1.50	↓ -9.43%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
DIG	39,472,800	2.2%	276	84.7	1.8
NVL	34,688,200	1.8%	414	36.3	0.7
VIX	34,498,800	0.7%	81	159.6	1.0
SHB	31,385,100	18.7%	2,610	5.4	0.9
DXG	30,400,300	-1.5%	(355)	-	0.7

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	16,783,226	2.1%	224	64.7	1.2
IDC	8,203,051	34.3%	6,675	6.6	2.3
PVS	5,317,110	5.6%	1,498	23.0	1.3
MBS	3,745,049	10.0%	1,199	16.8	1.6
TNG	3,115,043	17.8%	2,666	7.7	1.3

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
LEC	↑ 7.0%	-3.6%	(570)	-	0.4
VTO	↑ 7.0%	8.5%	1,192	7.7	0.6
SZC	↑ 7.0%	8.8%	1,115	29.6	2.1
BMP	↑ 6.9%	32.0%	10,378	9.2	2.7
PVP	↑ 6.9%	15.7%	2,696	5.3	0.8

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
THS	↑ 10.0%	8.5%	1,235	8.9	0.8
PHN	↑ 9.9%	33.8%	5,871	6.5	2.0
VE4	↑ 9.9%	-16.7%	(2,274)	-	9.9
PVI	↑ 9.8%	0.5%	170	305.0	1.5
CEO	↑ 9.8%	7.5%	1,057	19.3	1.4

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	2,509,000	0.7%	114	238.2	1.6
VHM	1,362,200	24.9%	8,269	7.1	1.6
VNM	1,241,100	23.5%	3,881	18.7	4.4
SSI	1,116,900	6.9%	1,035	27.6	1.9
STB	832,200	14.9%	3,006	9.5	1.3

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	2,057,800	2.1%	224	64.7	1.2
TNG	1,038,600	17.8%	2,666	7.7	1.3
PVI	232,860	0.5%	170	305.0	1.5
IDC	126,100	34.3%	6,675	6.6	2.3
PVS	120,700	5.6%	1,498	23.0	1.3

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	493,601	23.2%	6,533	16.0	3.4
VHM	256,037	24.9%	8,269	7.1	1.6
BID	236,233	19.7%	3,972	11.8	2.2
VIC	200,994	5.1%	1,800	29.3	1.5
GAS	191,012	24.1%	7,689	13.0	3.0

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	16,490	5.6%	1,498	23.0	1.3
IDC	14,520	34.3%	6,675	6.6	2.3
THD	13,825	4.0%	672	58.7	2.3
KSF	12,150	4.9%	1,094	37.0	1.8
PVI	12,134	0.5%	170	305.0	1.5

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
QCG	6.61	0.3%	49	191.9	0.6
EVG	4.05	0.9%	113	57.4	0.5
LGL	3.79	1.4%	182	25.7	0.4
TTB	3.61	0.3%	27	67.9	0.2
POM	3.41	-50.1%	(5,223)	-	1.0

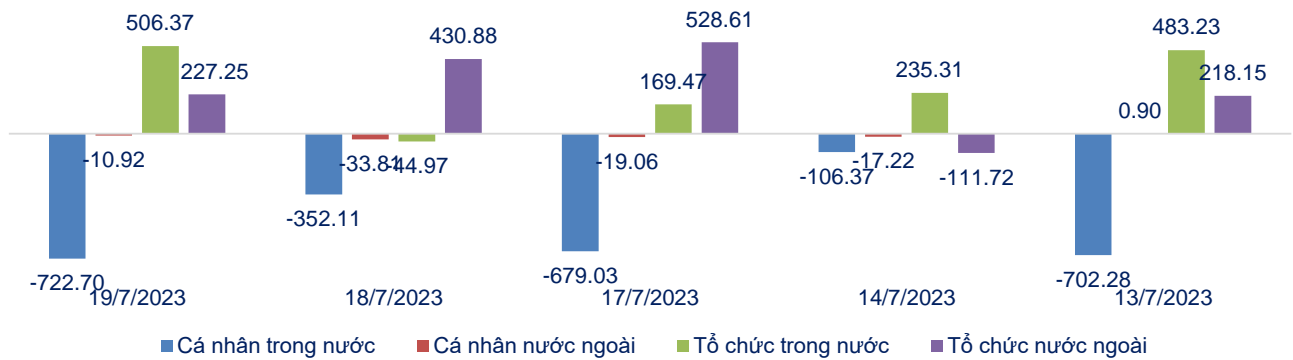
Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
VC7	4.31	2.4%	265	81.3	2.0
FID	4.29	0.0%	1	4,323.2	0.3
VC9	4.22	26.1%	148	40.6	6.2
API	3.96	8.2%	921	6.8	0.5
SDA	3.76	0.3%	31	271.8	1.0



THỐNG KÊ GIAO DỊCH THEO LOẠI NĐT

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VSC	173.14	8.1%	2,115	17.1	1.4
VCB	105.41	23.2%	6,533	16.0	3.4
VHC	40.92	21.4%	9,001	8.4	1.8
MSN	38.79	5.9%	1,537	52.4	3.1
TCB	29.15	17.2%	5,446	5.9	1.0

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
EIB	-165.95	14.8%	2,030	10.2	1.5
VHM	-105.72	24.9%	8,269	7.1	1.6
VPB	-104.20	11.8%	1,796	11.7	1.3
HPG	-96.84	0.7%	114	238.2	1.6
VNM	-94.05	23.5%	3,881	18.7	4.4

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VRE	2.99	10.2%	1,488	19.0	1.9
HAH	2.39	27.0%	10,274	4.7	1.1
HDC	1.04	20.1%	2,620	14.0	2.1
DIG	1.02	2.2%	276	84.7	1.8
BMI	1.00	0.0%	-	-	1.1

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MSN	-6.51	5.9%	1,537	52.4	3.1
RAL	-4.57	21.2%	24,462	4.5	0.9
STB	-2.79	14.9%	3,006	9.5	1.3
BID	-2.76	19.7%	3,972	11.8	2.2
SKG	-1.52	8.0%	1,071	19.6	1.5

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
EIB	161.06	14.8%	2,030	10.2	1.5
VPB	126.32	11.8%	1,796	11.7	1.3
CTG	55.17	15.9%	3,548	8.4	1.3
MBB	52.69	23.1%	3,445	5.4	1.0
STB	34.66	14.9%	3,006	9.5	1.3

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VSC	-174.41	8.1%	2,115	17.1	1.4
TCB	-29.15	17.2%	5,446	5.9	1.0
DHM	-14.05	-0.3%	(29)	-	0.8
CDC	-13.70	6.7%	969	18.8	1.3
VHC	-11.38	21.4%	9,001	8.4	1.8

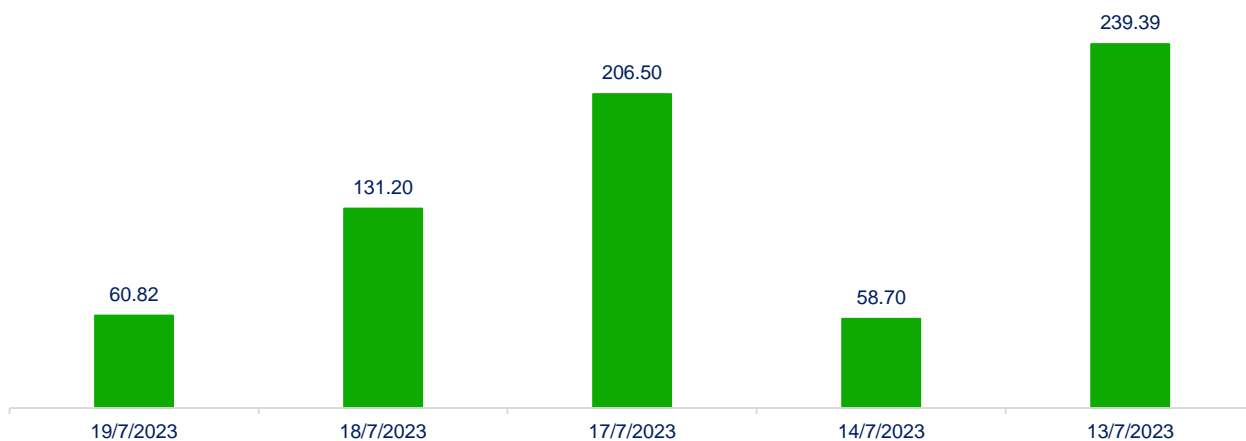
Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VNM	90.07	23.5%	3,881	18.7	4.4
VHM	80.04	24.9%	8,269	7.1	1.6
HPG	70.09	0.7%	114	238.2	1.6
SSI	32.58	6.9%	1,035	27.6	1.9
MWG	31.68	11.4%	1,829	26.3	2.9

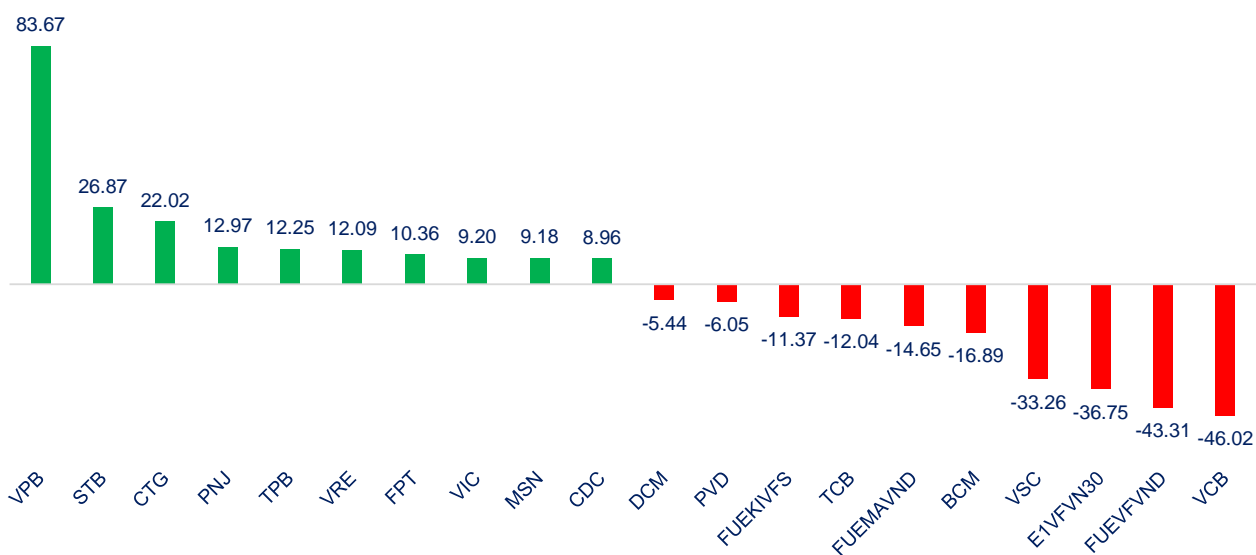
Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	-119.66	23.2%	6,533	16.0	3.4
TPB	-39.53	20.3%	2,884	6.6	0.9
MSN	-39.05	5.9%	1,537	52.4	3.1
VHC	-29.55	21.4%	9,001	8.4	1.8
DBC	-22.73	-3.8%	(741)	-	1.4

Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top cổ phiếu mua/ bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)





Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

Phó phòng: Hồ Ngọc Việt Cường
cuong.hnv2@shs.com.vn

Tổ trưởng nghiệp vụ: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Bùi Mạnh Kiên
kien.bm@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 3, Cao ốc Sài Gòn
Metropolitan, 235 Đồng Khởi,
Phường Bến Nghé, Quận 1, TP
HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn